

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí khôi phục môi trường

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS (“Giấy phép”) ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại Xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho chi phí khôi phục môi trường nêu trên.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Nghị định số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 là 18%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.000.660.109	619.422.945
Tiền gửi ngân hàng	31.703.994.689	5.283.051.815
Các khoản tương đương tiền	90.895.540.519	183.814.806.506
	123.600.195.317	189.717.281.266

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.197.604.226	3.804.840.068
Công cụ, dụng cụ	572.061.717	772.673.265
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.982.099.583
Thành phẩm	22.050.611.931	5.722.044.301
	25.820.277.874	13.281.657.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
kho	25.820.277.874	13.281.657.217

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	32.835.733.503	19.946.440.443	5.665.326.866	454.438.500	58.901.939.312
Tăng trong năm	-	66.064.571	-	70.719.700	136.784.271
Mua trong năm	-	66.064.571	-	70.719.700	136.784.271
Giảm trong năm	14.831.068.837	-	-	-	14.831.068.837
Giảm khác	14.831.068.837	-	-	-	14.831.068.837
Số dư tại ngày 31/12/2014	18.004.664.666	20.012.505.014	5.665.326.866	525.158.200	44.207.654.746
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	9.502.098.875	9.739.276.919	2.721.728.735	319.468.835	22.282.573.364
Tăng trong năm	2.354.885.943	2.717.764.038	830.800.420	107.054.077	6.010.504.478
Khấu hao trong năm	2.354.885.943	2.717.764.038	830.800.420	107.054.077	6.010.504.478
Giảm trong năm	1.059.362.060	-	-	-	1.059.362.060
Giảm khác	1.059.362.060	-	-	-	1.059.362.060
Số dư tại ngày 31/12/2014	10.797.622.758	12.457.040.957	3.552.529.155	426.522.912	27.233.715.782
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	7.207.041.908	7.555.464.057	2.112.797.711	98.635.288	16.973.938.964
Tại ngày 31/12/2013	23.333.634.628	10.207.163.524	2.943.598.131	134.969.665	36.619.365.948

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.567.717.776 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.458.995.547 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.827.595.455	30.505.577.702	380.554.359	2.316.881.542	36.030.609.058
Tăng trong năm	-	-	-	14.831.068.837	14.831.068.837
Tăng khác	-	-	-	14.831.068.837	14.831.068.837
Giảm trong năm	-	7.782.550.702	-	-	7.782.550.702
Giảm khác	-	7.782.550.702	-	-	7.782.550.702
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.827.595.455	22.723.027.000	380.554.359	17.147.950.379	43.079.127.193
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	278.708.306	4.756.245.986	380.554.359	2.316.881.542	7.732.390.193
Tăng trong năm	146.958.204	2.171.448.000	-	2.118.724.120	4.437.130.324
Khấu hao trong năm	146.958.204	2.171.448.000	-	1.059.362.060	3.377.768.264
Tăng khác	-	-	-	1.059.362.060	1.059.362.060
Giảm trong năm	-	1.576.256.986	-	-	1.576.256.986
Giảm khác	-	1.576.256.986	-	-	1.576.256.986
Số dư tại ngày 31/12/2014	425.666.510	5.351.437.000	380.554.359	4.435.605.662	10.593.263.531
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	2.401.928.945	17.371.590.000	-	12.712.344.717	32.485.863.662
Tại ngày 31/12/2013	2.548.887.149	25.749.331.716	-	-	28.298.218.865

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Thăm dò mỏ antimony, mỏ Bó Mới giai đoạn 1	6.676.836.360	6.616.528.639
Dự án Nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ	1.551.075.185	845.075.185
Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng HGM	174.360.909	174.360.909
Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimony mỏ Mậu Duệ	966.198.182	543.470.909
	9.368.470.636	8.179.435.642

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Góp vốn vào quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (i)	64.676.000.000	38.426.000.000
	65.176.000.000	38.926.000.000

- (i) Trong năm, Công ty đầu tư mua thêm 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 26.250.000.000 đồng (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần), theo đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty sở hữu 9,58% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.291.336.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	384.561.980	2.382.275.449
Thuế thu nhập cá nhân	20.585.356	1.498.699.900
Thuế tài nguyên	1.116.979.200	709.580.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	353.000
Các loại thuế khác	38.784.000	44.348.750
	1.560.910.536	5.926.593.625

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	20.286.500	6.196.700
Kinh phí công đoàn	65.048.420	68.152.232
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.734.999.764	9.496.885.234
	23.820.334.684	9.571.234.166

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Chi phí khôi phục môi trường	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	30.505.577.702	11.410.627.382	41.916.205.084
Chi từ dự phòng	-	498.664.500	498.664.500
Giảm khác (i)	30.505.577.702	-	30.505.577.702
Số dư tại ngày 31/12/2014	-	10.911.962.882	10.911.962.882

- (i) Trong năm 2014, Công ty đã nhận được Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên Môi trường về việc “Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng Antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang”. Theo đó, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định trên được ghi nhận vào khoản phải trả khác đồng thời ghi giảm số dự phòng phải trả Công ty đã ước tính trước đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	63.000.000.000	4.500.000.000	-	125.295.083.055	4.706.929.283	1.103.464.642	57.366.205.472	255.971.682.452
Tăng trong năm	63.000.000.000	-	-	-	-	-	102.259.770.020	165.259.770.020
Tăng trong năm	63.000.000.000	-	-	-	-	-	-	63.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	86.555.207.991	86.555.207.991
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	12.641.863.818	12.641.863.818
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	3.062.698.211	3.062.698.211
Giảm trong năm	-	-	-	55.641.863.818	-	-	95.600.000.000	151.241.863.818
Trích lập các quỹ	-	-	-	12.641.863.818	-	-	-	12.641.863.818
Lợi nhuận tái đầu tư	-	-	-	43.000.000.000	-	-	20.000.000.000	63.000.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	75.600.000.000	75.600.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2013	126.000.000.000	4.500.000.000	-	69.653.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	64.025.975.492	269.989.588.654
Tăng trong năm	-	-	(18.101.620.304)	29.825.975.492	-	-	30.080.412.479	41.804.767.667
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	29.825.975.492	-	-	-	29.825.975.492
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	30.080.412.479	30.080.412.479
Mua cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	(18.101.620.304)	-	-	-	-	(18.101.620.304)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	83.381.931.173	83.381.931.173
Trích các quỹ (i)	-	-	-	-	-	-	29.825.975.492	29.825.975.492
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	43.101.170.000	43.101.170.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	10.454.785.681	10.454.785.681
Số dư tại ngày 31/12/2014	126.000.000.000	4.500.000.000	(18.101.620.304)	99.479.194.729	4.706.929.283	1.103.464.642	10.724.456.798	228.412.425.148